

Hình thức trình bày của bản thảo

- Bản thảo nên sử dụng phông chữ đen New Times Roman Unicode
- Tất cả các đề mục chính hoặc đề mục con nên dùng số thập phân (ví dụ như 1, 1.1, 2, 2.1, 2.1.1, v.v...).
- Bản thảo nên theo các tiêu chuẩn về cỡ chữ và kiểu chữ như sau:

Tựa bản thảo	cỡ chữ 14, in đậm.
Tất cả các đề mục lớn và đề mục con	cỡ chữ 12, in đậm
Nội dung của bản thảo	cỡ chữ 11, không in đậm
Chú thích cuối trang	cỡ chữ 10, không in đậm
Chú thích hình ảnh và bảng biểu	cỡ chữ 10, không in đậm
- Các trích dẫn nên theo tiêu chuẩn APA (Xem publication Manual of the American Psychological Association chọn hình thức trích dẫn khác)

Các trích dẫn dưới hình thức trích đoạn:

Trích dẫn từ một công trình của một tác giả. Ví dụ:
 Language Testing & Evaluation (Allison, 1999)
 Bùi Khánh Thế (Ngữ Pháp tiếng Chăm, 1996)

Trích dẫn từ một công trình của nhiều tác giả
 Swaffar, Arens, and Morgan (1982) đã viết ...
 Swaffar và các đồng tác giả khác (1982) đã viết...
 Swaffar và các đồng tác giả khác, đã viết ... (từ lần trích dẫn thứ hai trở đi, nếu trong cùng một đoạn văn thì không cần thiết phải viết năm xuất bản).

Trích dẫn từ một công trình chung của một nhóm tác giả. Xin xem 2 ví dụ tiếng Anh và tiếng Việt dưới đây:
 Entry in reference list: Centre for Language Studies. (1999).
 First text citation: (Centre for Language Studies [CLS], 1999)
 Subsequent text citations: (CLS, 1999)

Trong mục tư liệu tham khảo: Khoa Việt Nam Học-TPHCM. (2002)
 Lần trích dẫn đầu: (Khoa Việt Nam Học, Đại học KHXH & NV TPHCM [Việt Nam Học-TPHCM], 2002)
 Các lần trích dẫn sau: (Việt Nam Học-TPHCM, 2002)

Tư liệu tham khảo

Các bài nghiên cứu từ một tạp chí định kỳ
 Montrul, S., & Slabakova, R. (2003). Competence Similarities between Native and Near-native Speakers. *Studies in Second Language Acquisition*, 25, 35-398.
 Nguyễn Quang Hồng (1981). Truyền thống ngôn ngữ học Châu Âu và Trung Hoa với các vấn đề xác lập các đơn vị ngôn ngữ. *Ngôn ngữ*, 2, 33-41

Sách/Chuyên khảo
 Stevick, E.W. (1989). *Success with Foreign Languages*. Hertfordshire: Prentice Hall.
 Bùi Khánh Thế (1996). *Ngữ pháp tiếng Chăm*. TPHCM: Giáo Dục

Các chương của sách

Prabhu, N.S. (1999). Teaching is at Most Hoping for the Best. In C. Ward, & W. Renandya (Eds.), *Language Teaching: New Insights for the Language Teacher* (pp. 48-57). Singapore: SEAMEO Regional Language Centre.

Các bài nghiên cứu từ các tạp chí điện tử định kỳ

Wolfe, E.W., & Manalo, J.R. (2004). Composition Medium Comparatibility in a Direct Writing Assessment of Non-native English Speakers. *Language Learning and Technology*, 8, 53-65. Retrieved January 1, 2004, from <http://llt.msu.edu/vol8num1/wolfe/default.html>

Lâm Lê Dũng (2004). Các nguyên lý thiết kế đề thi tiếng Việt như một ngoại ngữ cho trình độ sơ cấp. *Dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ*, 8, 18-28. Lấy từ internet tháng 2/2004 từ trang web <http://www.dtvnmnn.edu.vn.com/thietkedethi.htm>

Các tư liệu tham khảo trên internet

Noblitt, J.S. (1995). *Cognitive Approaches to Listening Comprehension*. Retrieved January 1, 2004 from <http://www.unc.edu/cit/iat-archive/publications/noblitt/noblitt3.html>

Chí Hùng (2004). *Thú du lịch bụi*. Lấy từ internet tháng 2/2004 từ trang web http://www.sgtt.com.vn/cacsobaotruoc/454_08/p10_11_thudulichbui.htm

Các luận văn/luận án chưa xuất bản

Hong, L. (1976). *The intellectual Awakening and Social Reforms of the Chinese in Singapore, 1984-1910*. Unpublished B.A. Honours' Degree thesis, University of Singapore, Singapore

Thạch Ngọc Minh (2002). *Ngữ pháp tiếng Khmer vùng Đồng bằng Sông Cửu Long-Việt Nam*. Luận văn cao học, Đại học Quốc gia Singapore, Singapore.

Các bài trên báo hoặc tạp chí

David, S. (2004, Feb 9). Multiple-choice tests punish kids who think deeply. *The Straits Times*, pp. H4.

Lê Đức Hoàng (8/1998). Một chút nắng ấm Việt nam cho mùa hè Phần Lan. *Tuổi trẻ chủ nhật*, tr. 12.